

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HS-ST
Ngày 30-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022 đối với:

*** Bị cáo: Dương Văn V**, sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12.

Bố đẻ: Dương Văn Y, sinh năm 1970.

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968.

Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không.

Gia đình có 02 anh em, bị can là thứ hai.

Vợ, con: Chưa.

Tiền án:

- Bản án số 57/2011/HSST ngày 31/8/2011, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2013, chưa chấp hành xong án phí và tiền phạt bổ sung.

- Bản án số 248/2014/HSST ngày 17/11/2014, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/5/2015, chấp hành xong án phí HSST ngày 25/8/2015.

- Bản án số 75/2015/HSST ngày 18/11/2015, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2018, chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

*** Bị hại:** - Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991 (Có đơn xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1995 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993, địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/7/2022, Dương Văn V, sinh năm 1991 trú tại thôn H, xã B, huyện Lục Nam làm Sơn cho nhà anh Hoàng Văn T, sinh năm 1994 ở cùng thôn nên biết công nhà anh T chưa lắp cánh cổng, gia đình anh T giáp với gia đình anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991 (là anh trai anh T).

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/7/2022, V từ nhà đi bộ lang thang ra đường liên thôn H, xã B. Khi đi qua nhà anh T, V phát hiện thấy cửa ô thoáng phòng bếp của gia đình anh T vẫn mở, V nảy sinh ý định đột nhập qua ô thoáng vào nhà anh T để trộm cắp tài sản lấy tiền ăn tiêu cá nhân. V đi bộ qua cổng nhà anh T sang nhà anh T, đến ô thoáng phòng bếp tại gian để xe máy dùng tay kéo, mở rộng cửa ô thoáng sau đó dùng hai tay bắm vào cạnh ô thoáng trèo qua ô thoáng vào phòng bếp. V đi vào gian phòng khách thấy 02 phòng ngủ không khóa cửa. V đi vào phòng ngủ thứ nhất (bên phải hướng lên cầu thang) thấy anh T và vợ là chị Nguyễn Thị Ng đang ngủ trên giường, qua ánh đèn ngủ, V nhìn thấy ở đầu giường sát chỗ anh T nằm có để 01 điện thoại Iphone 11. V đi đến trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 11 cho vào túi quần rồi ra ngoài phòng khách. V tiếp tục đi vào phòng ngủ thứ hai (bên trái hướng lên cầu thang) mở tủ đựng quần áo lục soát lấy được 01 túi xách bằng da màu đen và 01 chùm chìa khóa xe để ở kệ cửa sổ. Sau đó, V đi vào phòng bếp mở túi xách ra kiểm tra thấy trong túi có 1.200.000 đồng và 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị Ng. V lấy tiền, đăng ký xe cho vào túi quần, còn túi xách để lại ở bàn trong bếp rồi mở cửa phụ sau nhà đi ra ngoài.

Sau đó, V tiếp tục trèo qua hàng rào vào gian để xe máy quan sát thấy xe mô tô biển kiểm soát 98F1-***** trùng với đăng ký xe vừa lấy được (trên xe và trong cốp xe có để 01 mũ bảo hiểm; 01 áo mưa trùm đầu; 01 bộ áo mưa màu xanh và 01 túi da), V lấy chìa khóa xe máy lấy được mở ổ khoá điện thì mở được. V dùng chiếc chìa khoá trong chùm chìa khoá lấy được mở khoá cửa gian để xe rồi dắt xe mô tô BKS 98F1-***** qua sân, cổng nhà anh T ra đường nổ máy đi xuống khu vực chợ My Điền, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên tìm chỗ tiêu thụ xe. Trên đường đi, V vứt mũ bảo hiểm, áo mưa trùm đầu, sim điện thoại lắp trong điện thoại Iphone 11, bộ áo mưa màu xanh và túi da màu đen trộm cắp được ở rìa đường. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, V đi xe mô tô trộm cắp được đến cửa hàng mua bán, sửa chữa xe máy Ngọc Lâm Motor ở chợ My Điền, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 trú tại xóm Huyện, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng nói dối anh H là xe của vợ V không còn nhu cầu sử dụng nên bán xe. Anh H đồng ý mua xe của V với giá 14.000.000 đồng. Chiếc điện thoại Iphone 11 trộm cắp được, V sử dụng để liên lạc.

Ngày 12/7/2022, chị Nguyễn Thị Ng có đơn trình báo Công an xã Bắc Lũng và giao nộp: 01 hộp đựng máy điện thoại màu trắng, trên thân hộp có chữ “Iphone” (BL 109-110).

Cùng ngày 12/7/2022, biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện, Dương Văn V đến Công an huyện Lục Nam đầu thú và giao nộp: 7.693.000 đồng; 01 túi vải màu đen, có dây đeo màu đen; 01 ví da màu đen (ví nam); 01 dây sạc điện thoại Iphone (dây màu trắng); 01 điện thoại Iphone 11 lắp sim 0354.295.490, ốp điện thoại bằng nhựa màu đen trắng; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Dương Văn V (BL 153-155).

Anh Nguyễn Văn H sau khi biết xe mô tô mua của V là do V trộm cắp mà có, anh H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại NOZZA Grande, màu sơn đỏ, biển số 98F1-***** và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ng (BL 141).

Kết quả xác định hiện trường: Hiện trường vụ án xác định tại nhà ở gia đình anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991 trú tại thôn H, xã B, huyện Lục Nam. Hiện trường đã bị xáo trộn. Nhà ở được xây dựng 02 tầng, phía Nam tiếp giáp đường liên thôn; phía Tây tiếp giáp mương nước và đường liên thôn Hai Lọng; phía Đông tiếp giáp nhà ở gia đình anh Hoàng Văn T; phía Bắc tiếp giáp nhà ở của Khuông Văn Trường. Cổng vào nhà làm bằng kim loại kích thước (453x252) cm, loại 04 cánh mở vào trong. Phía Đông ngôi nhà tiếp giáp nhà anh Hoàng Văn T, được ngăn cách bằng tường cao 117 cm, có lối thông sang hai nhà rộng 96 cm, lối thông hai nhà cách cổng nhà anh T là 12,2 m; cổng nhà anh T chưa có cánh cổng, rộng 452 cm.

Ngôi nhà của anh Hoàng Văn T được bố trí 03 cửa ra vào: Cửa chính hướng Nam làm bằng gỗ; Cửa phụ hướng Tây, loại 2 cánh bằng gỗ; Cửa phụ hướng Bắc bằng kim loại, loại 01 cánh mở ra ngoài. Tường nhà phía Tây có 02 cửa sổ kích thước (123x190) cm, khoá cố định không hư hỏng; 02 ô thoáng phòng bếp, khoảng

ô thoáng đều rộng (50x43) cm; Trước ô thoáng là gian để xe máy có 01 cửa bằng kim loại kích thước (252x83) cm. Vị trí để xe máy là trong gian để xe trước ô thoáng phòng bếp.

Tầng 1 ngôi nhà bố trí 01 gian phòng khách; 02 phòng ngủ; 01 phòng bếp; 01 nhà vệ sinh. Phòng ngủ 1 (bên phải cầu thang) có 01 cửa ra vào bằng gỗ, trong phòng bố trí 01 giường ngủ, vị trí để điện thoại là đầu giường gần cửa sổ hướng Đông. Phòng ngủ 2 (bên trái cầu thang) có 01 cửa ra vào bằng gỗ, trong phòng bố trí 01 giường, 01 tủ quần áo, 01 bàn trang điểm; Tủ quần áo làm bằng kim loại kích thước (152x 51 x 192) cm, có 03 cánh tủ mở ra ngoài, phía cuối tủ có 03 ngăn kéo mở ra ngoài, có 01 cửa sổ hướng Đông KT (123x190) cm, vị trí để chìa khoá xe máy trên kệ cửa sổ cách nền nhà 78 cm. Gian phòng khách kê 01 bàn bằng kim loại, chìa khoá gian để xe máy để trên mặt bàn, bàn kê sát tường ngăn phòng bếp và phòng khách. Từ phòng khách vào bếp có 01 cửa kích thước (123x190) cm. (Bút lục 81-82).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 12/7/2022 và ngày 29/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe NOZZA Grande, biển số 98F1-***** có giá trị là 18.000.000 đồng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 loại 64GB, nắp màu trắng có giá trị là 7.600.000 đồng (BL 24).

- 01 (một) mũ bảo hiểm mô tô màu xanh, loại kín cằm, do Trung Quốc sản xuất, không xác định được nhãn mác có giá trị là 150.000 đồng;

- 01 (một) áo mưa chũm đầu màu xanh, do Trung Quốc sản xuất, không xác định được nhãn mác đến thời điểm định giá không còn giá trị;

- 01 (một) túi xách bằng da màu đen do Trung Quốc sản xuất, không xác định được nhãn mác, đến thời điểm định giá không còn giá trị;

- 01 (một) bộ áo mưa màu xanh, do Trung Quốc sản xuất, không xác định được nhãn mác, đến thời điểm định giá không còn giá trị.

Tổng trị giá tài sản là: **25.750.000 đồng** (BL 24; 29).

Ngày 24/7/2022, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chị Nguyễn Thị Ng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 98F1-***** và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ng; trả lại anh Hoàng Văn T: 01 điện thoại Iphone 11, nắp màu trắng và 01 hộp đựng máy điện thoại Iphone (BL 111, 123).

Anh Nguyễn Văn H có hành vi mua chiếc xe mô tô do V trộm cắp mà có, tuy nhiên khi mua xe, H không biết đó là tài sản do V trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 26 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố bị cáo Dương Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn V từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2022. Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định nên miễn hình phạt bổ sung. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: Đối với 2.693.000 đồng là tài sản cá nhân cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 5.000.000 đồng là tiền còn lại sau khi bán được xe cho anh H nên cần trả lại cho anh H. Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân tên Dương Văn V. Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đen, có dây đeo màu đen; 01 sim điện thoại số 0354.295.490 và ốp điện thoại bằng nhựa màu đen trắng; 01 dây sạc điện thoại Iphone (dây màu trắng). Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T 25.000 đồng, chị Ngoãn 1.350.000 đồng, anh H 14.000.000 đồng. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo Dương Văn V trình bày: Ngày 11/7/2022, bị cáo đã trộm cắp tài sản của gia đình anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Ng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 loại 64GB; số tiền 1.200.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande, biển kiểm soát 98F1-***** cùng đăng ký xe (trên xe và trong cốp xe có để: 01 mũ bảo hiểm mô tô màu xanh; 01 áo mưa trùm đầu màu xanh; 01 bộ áo mưa màu xanh) và 01 túi xách bằng da màu đen. Tổng giá trị tài sản bị cáo V trộm cắp là 25.750.000 đồng. Bị cáo đồng ý với bản kết luận định giá tài sản. Bị cáo bị khởi tố, truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội; bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, không có ý kiến tranh luận gì; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn V luôn thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/7/2022, Dương Văn V có hành vi trèo qua ô thoáng phòng bếp đột nhập vào gia đình anh Hoàng Văn T trú tại thôn H, xã B, huyện Lục Nam trộm cắp tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 loại 64GB; số tiền 1.200.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande, biển kiểm soát 98F1-***** cùng đăng ký xe (trên xe và trong cốp xe có để: 01 mũ bảo hiểm mô tô màu xanh; 01 áo mưa trùm đầu màu xanh; 01 bộ áo mưa màu xanh) và 01 túi xách bằng da màu đen của vợ chồng anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Ng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo V trộm cắp là **25.750.000 đồng**.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của anh T, chị Ngoãn. Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý trực tiếp, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố bị cáo theo khoản, Điều luật nêu trên là có căn cứ.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an cho người dân. Năm 2014 bị cáo đã bị kết án 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2015 bị cáo đã bị kết án 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm, mà nay còn tiếp tục vi phạm pháp luật, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy, bị cáo là đối tượng có tiền án, đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, nhưng không cải sửa nay lại phạm tội do cố ý. Cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo. Do vậy, cần

áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam là phù hợp. Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý tài sản, vật chứng thu giữ:

- Quá trình điều tra đã thu giữ 01 xe xe mô tô biển kiểm soát 98F1-***** và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ng; 01 điện thoại Iphone 11, nắp màu trắng và 01 hộp đựng máy điện thoại Iphone. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại những tài sản trên cho anh T, chị Ngoãn. Anh T, chị Ngoãn không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo: 01 túi vải màu đen, có dây đeo màu đen; 01 căn cước công dân mang tên Dương Văn V; 01 sim điện thoại số 0354.295.490 và ốp điện thoại bằng nhựa màu đen trắng; 01 dây sạc điện thoại Iphone (dây màu trắng) và số tiền 7.693.000 đồng.

Xét thấy: 01 túi vải màu đen, có dây đeo màu đen; 01 sim điện thoại số 0354.295.490 và ốp điện thoại bằng nhựa màu đen trắng; 01 dây sạc điện thoại Iphone (dây màu trắng) là đồ vật cá nhân của bị cáo, bị cáo không đề nghị nhận lại, xác định các đồ vật này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo căn cước công dân mang tên Dương Văn V.

Đối với số tiền 7.693.000 đồng thu giữ của bị cáo. Trong đó có số tiền 2.693.000 đồng là tiền của cá nhân của bị cáo, còn lại 5.000.000 đồng là tiền bán tài sản do trộm cắp mà có. Tại phiên tòa, bị cáo có đề nghị trả lại số tiền 2.693.000 đồng là tiền của cá nhân bị cáo. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo số tiền 2.693.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền còn lại 5.000.000 đồng là tiền bán tài sản cho anh Nguyễn Văn H do trộm cắp mà có. Tại phiên tòa bị cáo trình bày đồng ý khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng này để bồi thường cho anh H là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo V đã có hành vi trộm cắp số tiền 1.200.000 đồng trong túi xách của chị Ngoãn và 01 mũ bảo hiểm (Mũ bảo hiểm để trên xe mô tô biển kiểm soát 98F1-*****) định giá có trị giá 150.000 đồng. Nay chị Ngoãn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.350.000 đồng là có căn cứ.

Bị cáo V có hành vi trộm cắp 01 điện thoại Iphone 11 của anh T, sau khi lấy điện thoại, bị cáo đã tháo sim từ điện thoại của anh T, anh T đã chi phí hết 25.000 đồng làm lại thẻ sim điện thoại. Nay anh T yêu cầu bồi thường 25.000 đồng tiền làm lại sim điện thoại là có căn cứ.

- Anh Nguyễn Văn H mua xe mô tô do V trộm cắp mà có với giá 14.000.000 đồng, khi mua xe anh H không biết là xe trộm cắp. Nay anh H đã nộp lại xe cho Cơ

quan điều tra Công an huyện Lục Nam. Anh H yêu cầu bị cáo V phải bồi thường số tiền 14.000.000 là có căn cứ. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý khấu trừ 5.000.000 đồng trong tổng số tiền 7.693.000 đồng mà bị cáo bị thu giữ trong quá trình điều tra để bồi thường cho anh H. Bị cáo V còn tiếp tục phải bồi thường số tiền còn lại là 9.000.000 đồng cho anh H.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn H, khi mua chiếc xe mô tô do V trộm cắp mà có, khi mua xe không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và $(25.000 + 1.350.000 + 9.000.000) \times 5\% = 518.750$ đồng án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Văn V 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 12/7/2022).

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi vải màu đen, có dây đeo màu đen; 01 sim điện thoại số 0354.295.490 và ốp điện thoại bằng nhựa màu đen trắng; 01 dây sạc điện thoại Iphone (dây màu trắng).

- Trả lại cho bị cáo căn cước công dân mang tên Dương Văn V.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 2.693.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 5000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*) thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Dương Văn V phải bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 25.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 1.350.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Dương Văn V phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 14.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng*) nhưng được đối trừ số tiền 5.000.000 đồng trong tổng số tiền 7.693.000 đồng mà bị cáo bị thu giữ. Bị cáo V

còn tiếp tục phải bồi thường số tiền còn lại là 9.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín triệu đồng*) cho anh H.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 518.750 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm mười tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

5. Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Lục Nam;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam;
- VKSND, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

,

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Mai Lan